

Bắc Kạn, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bắc Kạn tại chuyên mục “DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN” tại địa chỉ: dichvucong.backan.gov.vn.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (t/h);
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, NCPC (Văn).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	1.000778.000.00.00.H03	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thay đổi về thời gian giải quyết thủ tục hành chính
2	1.004481.000.00.00.H03	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản			
3	2.001814.000.00.00.H03	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản			
4	1.005408.000.00.00.H03	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản			
5	2.001787.000.00.00.H03	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản			
6	1.004083.000.00.00.H03	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản			
7	1.004446.000.00.00.H03	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình			
8	1.004434.000.00.00.H03	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản			

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
9	1.004433.000.00.00.H03	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thay đổi về thời gian giải quyết thủ tục hành chính
10	2.001783.000.00.00.H03	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản			
11	1.004345.000.00.00.H03	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản			
12	1.004135.000.00.00.H03	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản			
13	1.004367.000.00.00.H03	Đóng cửa mỏ khoáng sản			
14	2.001781.000.00.00.H03	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản			
15	1.004343.000.00.00.H03	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản			
16	2.001777.000.00.00.H03	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản			